

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 211/2024/DS-ST

Ngày: 02-5-2024

V/v Tranh chấp hợp

đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thúy Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vân;

2. Ông Võ Văn Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bé - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh: Không.

Trong ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 138/2024/QĐST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Địa chỉ hội sở: Số B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên lạc: Số B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, sinh năm: 1973. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Hoàng V, sinh năm: 1974. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Chi nhánh C.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1969. Chức vụ: Chuyên viên quản lý tín dụng (Có mặt).

(Theo Giấy ủy quyền số 556/2023/GUQ-CNCC ngày 08/11/2023 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Chi nhánh C).

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Bảo T, sinh năm: 1994 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số A Tỉnh lộ 8, tổ H, ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện nộp ngày 08/11/2023, lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi tắt là S1)-có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ngày 12/10/2022, S1 và ông Huỳnh Bảo T có ký Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, căn cứ thu nhập của ông T, S1 cấp thẻ tín dụng có số thẻ 472074-0596 với hạn mức sử dụng thẻ tín dụng là 50.000.000đ cho ông T (thẻ V1), mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2,76%/tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch thanh toán với tổng số tiền là 50.185.748đ, lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất S1 áp dụng vào từng thời điểm khác nhau, ông T phải chịu các khoản phí theo quy định trong Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của S1, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho S1 số tiền 9.463.000đ, cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước; giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ; giao dịch rút tiền mặt trong kỳ và giao dịch mua hàng hóa trong kỳ. Sau đó ông T không thanh toán nữa, S1 đã nhiều lần làm việc trực tiếp với ông T, nhắc nhở, đôn đốc, yêu cầu ông T có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Vì vậy ngày 10/9/2023 S1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, tính đến ngày 01/5/2024, ông T còn nợ S1 số tiền tổng cộng là 74.009.994đ, bao gồm:

- Vốn gốc: 55.914.774đ;
- Lãi quá hạn: 18.095.220đ.

Số tiền vốn gốc lớn hơn hạn mức tín dụng được cấp căn cứ vào Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, theo đó các loại phí và lãi khi có giao dịch phát sinh nhưng không được thanh toán đúng hạn sẽ được tính vào vốn gốc.

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 55.914.774đ với lãi suất quá hạn là 4,15%/ tháng (2,76% * 150%) từ ngày S1 chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình, S1 kính đề nghị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết những vấn đề sau đây:

1. Buộc ông Huỳnh Bảo T phải trả ngay cho S1 tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 01/5/2024 là 74.009.994đ.

2. Buộc ông **Huỳnh Bảo T** tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 02/5/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

* Bị đơn là ông **Huỳnh Bảo T** vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện nộp ngày 08/11/2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn là **S1** đề nghị Tòa án buộc bị đơn là ông **Huỳnh Bảo T** thanh toán nợ gốc và lãi theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 12/10/2022, đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Ông **T** hiện đang cư trú tại địa chỉ **số A Tỉnh lộ 8, tổ H, ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện Củ Chi đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho ông **T**, ông **T** nhận trực tiếp các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa vắng mặt ông **T** theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

S1 yêu cầu ông **T** thanh toán nợ gốc và nợ lãi theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 12/10/2022 đã ký giữa hai bên, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 01/5/2024 là 74.009.994đ.

Hội đồng xét xử xét trong quá trình thực hiện Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 12/10/2022, ông **T** chỉ thanh toán được cho **S1** một phần tiền vay, theo các tài liệu, chứng cứ do **S1** cung cấp thì **S1** đã nhiều lần thông báo nhắc nợ đến ông **T** nhưng ông **T** vẫn không thanh toán nợ, việc ông **T** không thanh toán nợ làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của **S1**, vi phạm điều khoản về nghĩa vụ trả nợ của khách hàng quy định tại Điều 18 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: “*Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín*

dụng... thì áp dụng theo quy định của Luật này”, theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”, do đó, đối với hợp đồng vay tài sản mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên quy định tại hợp đồng. Căn cứ vào Điều 25 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, ông **T** phải chịu các khoản phí và lãi phát sinh từ ngày 10/09/2023 đến nay là 5.914.774đ, phí và lãi này được tính vào vốn gốc. Do vậy số tiền vốn gốc tính đến ngày 01/5/2024 là 50.000.000đ + 5.914.774đ = 55.914.774đ là đúng quy định, ngoài ra lãi quá hạn được tính bằng 150% lãi trong hạn (4,15% * 150%) cũng phù hợp với quy định tại Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Như vậy yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc và lãi quá hạn theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12/10/2022 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của **S1** với tổng số nợ gốc và lãi là 74.009.994đ là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Ông **Huỳnh Bảo T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền gốc và lãi phải thanh toán cho **S1** theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đồng thời hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho **S1**.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 58, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S**.

Buộc ông **Huỳnh Bảo T** có trách nhiệm thanh toán cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** số tiền nợ gốc và tiền lãi theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12/10/2022 tính đến ngày 01/5/2024 là 74.009.994đ (Bảy mươi bốn triệu không trăm lẻ chín ngàn chín trăm chín mươi bốn đồng).

Thi hành ngay sau khi Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

2. Ông **Huỳnh Bảo T** phải chịu thêm tiền lãi phát sinh kể từ ngày 02/5/2024 cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ nêu trên cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** trên số nợ gốc thực nợ, theo mức lãi suất thoả thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12/10/2022 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông **Huỳnh Bảo T** phải chịu án phí là 3.700.500đ (Ba triệu bảy trăm ngàn năm trăm đồng);

- **H** lại cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0017293 ngày 02/01/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

4. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thúy Á